TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 5 - 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình – Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22/01/2019 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phan Văn H1,** sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà A tổ B, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị H2,** sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà M, ấp N, xã P, thị xã D, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phan Văn H1 trình bày:

Vào năm 2013, anh Phan Văn H1 có tổ chức lễ cưới với chị Nguyễn Thị H2 và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh F cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau kết hôn chung sống tại số nhà A tổ B, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh F. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống nên chị H2 đã về nhà tại số nhà M, ấp N, xã P, thị xã D, tỉnh Sóc Trăng sống từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H2.

- Về con chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do anh Phan Văn H1 giao nộp là 01 Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và 01 Sổ hộ khẩu của anh Phan Văn H1; 01 Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Phan Văn H1 với chị Nguyễn Thị H2; 01 Đơn xin xác nhận đề ngày 16/1/2019 của anh Phan Văn H1.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H2: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của anh H1 nhưng chị H2 không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, chị H2 cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/02/2019, ngày 13/3/2019. Tòa án đã tống đạt biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trên cho chị H2 và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 26/4/2019, bị đơn chị H2 vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án (BL 30).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H2, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị H2 vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H2 theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H1 được ly hôn với chị Nguyễn Thị H2 vì trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại mục đích hôn nhân không đạt được; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; anh H1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn H1 khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H2. Yêu cầu của H1 được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị H2 đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, cũng như việc không phản đối của chị H2; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh H1 về việc kết hôn với chị H2 được Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh F cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/2013 là sự thật. Vì vậy, giữa anh H1 và chị H2 đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường mâu thuẫn cãi vã làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, hiện nay anh H1 và chị H2 không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, anh H1 và chị H2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho anh H1 được ly hôn với chị H2.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định con chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Phan Văn H1 phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phan Văn H1 được ly hôn với chị Nguyễn Thị H2.

2. Về con chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Văn H1 phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004092 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn H1 có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; Chị Nguyễn Thị H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

NGUYỄN NGỌC THANH

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Triệu Khánh Long **Thái Trung Nghĩa** **Nguyễn Ngọc Thanh**